ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 76 /2024/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 14 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng dân tỉnh Khóa XIII, kỳ họp thứ 19 (kỳ họp chuyên đề) về việc thông qua tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất), đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

2. Người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, cho thuê mặt nước, cho thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định Luật Đất đai năm 2024.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

1. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

a) Địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

TT	Loại đất	Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; sử dụng đất để xây dựng nhà ở xã hội cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở	0,5	0,6	0,7
2	Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, nông nghiệp khác	0,5	0,5	0,5
3	Đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh	0,5	0,5	0,5
4	Đất thuê của đơn vị sự nghiệp công lập	0,8	1	1,5
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp)			
a	Dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,5	0,6	0,8
b	Dự án không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,6	0,8	1
6	Đất thương mại dịch vụ (ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp)			
a	Dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,5	0,8	1,3
b	Dự án không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và đặc biệt ưu đãi đầu tư	0,8	1	1,5
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:			
a	Vàng, titan	2,0	2,0	2,0
b	Đá granite	1,5	1,5	1,5
c	Đất, đá (làm vật liệu xây dựng các loại), cát, sỏi và các loại khoáng sản khác	1,3	1,8	2,3

Trong đó:

- Nhóm 1: Các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và xã Nhơn Châu của thành phố Quy Nhơn.

- Nhóm 2: Các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ.

- Nhóm 3: thành phố Quy Nhơn (trừ xã Nhơn Châu), huyện Tuy Phước, thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn.

- Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội

- Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho mục đích khai thác khoáng sản: áp dụng như đối với địa bàn ngoài Khu kinh tế Nhơn Hội

- Tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho các mục đích khác (ngoại trừ mục đích khai thác khoáng sản) là 0,5%.

c) Trường hợp sử dụng đất khác với mục đích sử dụng đất ban đầu thì tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được xác định theo mục đích sử dụng đất thực tế.

d) Trường hợp người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà cho thuê lại thì tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm là 3% đối với diện tích đất cho thuê lại.

2. Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 15% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 15% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất có mặt nước

Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 20% đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì tiếp tục được ổn định đơn giá thuê đất đến hết thời gian ổn định. Hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì thực hiện tính tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2024.

2. Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất tại Khu kinh tế Nhơn Hội và Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ + CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, K16.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh